Stanford
nâng tầm tri thức

PHP for BASE

Giảng viên: **Bùi Quang Đăng**

Contents

- Working with jQuery Basic
- Working with jQuery Effects
- Working with jQuery UI
- Exercises

Working with jQuery Basic

jQuery
write less, do more.

jQuery

- jQuery là **một thư viện Javascript** nhanh và súc tích được tạo ra bởi **John Resig** năm 2006.
- **jQuery** cho phép người phát triển ứng dụng đơn giản hóa HTML document, event handling, animating, and Ajax interactions.

jQuery

- Để sử dụng **jQuery** chúng ta cần khai báo sử dụng thư viện này trên trang web.
- **jQuery** có thể tải về để sử dụng hoặc khai báo trực tiếp đến địa chỉ sử dụng thư viện.
- Địa chỉ tải jQuery: http://jquery.com
- Địa chỉ tham khảo sử dụng jQuery: http://api.jquery.com

jQuery

- Thư viện **jQuery** bao gồm các thành phần sau:
  - HTML/DOM manipulation
  - CSS manipulation
  - HTML event methods
  - **Effects and animations**
  - AJAX
  - Utilities

jQuery

- Cú pháp sử dụng **jQuery** được khai báo như sau:

$(*selector*).*action*()

Trong đó:

- Ký tự **$** là một thể hiện tên của jQuery
- ***Selector*** là đối tượng HTML được sử dụng
- ***action*()** là một phương thức được thực hiện trên đối tượng dung jQuery

jQuery

- Ví dụ sử dụng **jQuery** như sau:

Example

```
$(document).ready(function(){
  $("p").click(function(){
    $(this).hide();
  });
});
```

```
$(function() {
  $("a").click(function() {
    alert("Hello world!");
  });
});
```

jQuery

- Định nghĩa sử dụng một tên khác trong jQuery như sau:

var jStd = $.noConflict();

Trong đó:

- **jStd** là một tên của jQuery

- Chúng ta vẫn có thể sử dụng khai báo cụ thể bằng từ khóa jQuery nếu muốn dùng thay cho tên viết tắt

jQuery

- Định nghĩa sử dụng một tên khác trong jQuery như sau:

var jStd = $.noConflict();

Ví dụ:

```
var jq = $.noConflict();
jq(document).ready(function(){
  jq("button").click(function(){
    jq("p").text("jQuery is still working");
  });
});
```

@stanford.com.vn
Stanford nâng tầm tri thức

jQuery

jQuery Selectors

- Cho phép chúng ta chọn và thao tác với một hoặc nhiều phần tử HTML
- Sử dụng tìm các phần tử thông qua Id, Classes, Types, Attributes,…

Example

```
$(document).ready(function(){
  $("button").click(function(){
    $("#test").hide();
  });
});
```

jQuery

jQuery Events

- Sự kiện Click thực hiện công việc khi click lên đối tượng được chọn

```
$("p").click(function(){
  // action goes here!!
});
```

- Sự kiện khi nhấn phím, di chuyển chuột,…

jQuery

jQuery Events

Event Type	Description
blur	Occurs when the element loses focus
change	Occurs when the element changes
click	Occurs when a mouse click
dblclick	Occurs when a mouse double-click
error	Occurs when there is an error in loading or unloading etc.
focus	Occurs when the element gets focus
keydown	Occurs when key is pressed
keypress	Occurs when key is pressed and released
keyup	Occurs when key is released
load	Occurs when document is loaded
mousedown	Occurs when mouse button is pressed
mouseenter	Occurs when mouse enters in an element region
mouseleave	Occurs when mouse leaves an element region

jQuery

jQuery Events

mousemove	Occurs when mouse pointer moves
mouseout	Occurs when mouse pointer moves out of an element
mouseover	Occurs when mouse pointer moves over an element
mouseup	Occurs when mouse button is released
resize	Occurs when window is resized
scroll	Occurs when window is scrolled
select	Occurs when a text is selected
submit	Occurs when form is submitted
unload	Occurs when documents is unloaded

Một số phương thức hay sử dụng

jQuery

jQuery Methods

- Sử dụng để thực hiện một công việc viết bằng jQuery.
- **$(document).ready()** là phương thức cho phép thực hiện công việc khi trang được loaded.

Example

```
$("p").click(function(){
  $(this).hide();
});
```

jQuery

Một số phương thức hay sử dụng trong Jquery

Method	Description
text()	Sets or returns the text content of selected elements
html()	Sets or returns the content of selected elements (including HTML markup)
val()	Sets or returns the value of form fields
attr()	Method is used to get attribute values
append()	Method inserts content AT THE END of the selected HTML elements.
prepend	method inserts content AT THE BEGINNING of the selected HTML elements.

jQuery

Một số phương thức hay sử dụng trong jQuery

- Ví dụ:

Example

```
$("#btn1").click(function(){
  alert("Text: " + $("#test").text());
});
$("#btn2").click(function(){
  alert("HTML: " + $("#test").html());
});
```

Example

```
$("#btn1").click(function(){
  $("#test1").text("Hello world!");
});
$("#btn2").click(function(){
  $("#test2").html("<b>Hello world!</b>");
});
$("#btn3").click(function(){
  $("#test3").val("Dolly Duck");
});
```

jQuery

Một số phương thức hay sử dụng trong jQuery

- **jQuery after() and before() Methods**
  - **after()** method inserts content AFTER the selected HTML elements
  - **before()** method inserts content BEFORE the selected HTML elements

Example

```
function afterText()
{
var txt1="<b>I </b>";                      // Create element with HTML
var txt2=$("<i></i>").text("love ");       // Create with jQuery
var txt3=document.createElement("big");    // Create with DOM
txt3.innerHTML="jQuery!";
$("img").after(txt1,txt2,txt3);            // Insert new elements after img
}
```

jQuery

jQuery Methods

Method	Description
change()	Attaches/Triggers the change event
click()	Attaches/Triggers the click event
focus()	Attaches/Triggers the focus event
hover()	Attaches two event handlers to the hover event
keydown()	Attaches/Triggers the keydown event
keypress()	Attaches/Triggers the keypress event
keyup()	Attaches/Triggers the keyup event
mouseout()	Attaches/Triggers the mouseout event
mouseover()	Attaches/Triggers the mouseover event

jQuery

jQuery Methods

- **.html():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập nội dung của phần tử HTML trong jQuery.
- Cú pháp sử dụng:
  - Lấy thông tin: selector.**html()**;
  - Thiết lập thông tin: selector.**html(htmlString)**;

jQuery

jQuery Methods

- **.html():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập nội dung của phần tử HTML trong jQuery.

Ví dụ:

```
$('div.demo-container').html();
<div class="demo-container">
<div class="demo-box">Stanford – lap trinh</div>
</div>
```

jQuery

jQuery Methods

- **.html():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập nội dung của phần tử HTML trong jQuery.

Ví dụ:

```
$('div.demo-container')
.html('<p>Stanford <em>day lap trinh</em></p>');
<div class="demo-container">
<div class="demo-box">Stanford – lap trinh</div>
</div>
```

jQuery

jQuery Methods

- **.val():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập giá trị từ các phần tử HTML (input, select and textarea).
- Cú pháp sử dụng:
  - Lấy thông tin: $("#selector").val();
  - Thiết lập thông tin: selector.val(value);

jQuery

jQuery Methods

- **.val():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập giá trị từ các phần tử HTML (input, select and textarea).

Ví dụ:

```
$('select.foo option:selected').val(); // get the value from a dropdown select
$('select.foo').val(); // get the value from a dropdown select even easier
$('input:checkbox:checked').val(); // get the value from a checked checkbox
$('input:radio[name=bar]:checked').val(); // get the value from a set of radio buttons
```

jQuery

jQuery Methods

- **.val():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập giá trị từ các phần tử HTML (input, select and textarea).

Ví dụ:

```
<div><button>Feed</button><button>the</button><button>Input</button>
</div><input type="text" value="click a button" />
<script> $("button").click(function () {
var text = $(this).text();
$("input").val(text);
});</script>
```

jQuery

jQuery Methods

- **.attr():** Sử dụng để lấy giá trị 1 thuộc tính của phần tử HTML hoặc thiết lập giá trị cho thuộc tính.
- Cú pháp sử dụng:
  - .attr(attributeName);
  - .attr(attributeName, value);

jQuery

jQuery Methods

- **.attr():** Ví dụ:

```
<input id="check1" type="checkbox" checked="checked">
<label for="check1">Check me</label> <p></p>
$( "input" ).change(function() {
var $input = $( this ); $( "p" ).html( ".attr( 'checked' ): <b>" + $input.attr( "checked") + "</b><br>" + ".prop('checked'): <b>" + $input.prop( "checked") + "</b><br>" +
".is(':checked'): <b>" + $input.is( ":checked" ) + "</b>" );
}).change();
```

@stanford.com.vn
Stanford
nâng tầm tri thức

jQuery

jQuery Methods

- **.attr():**

Ví dụ:

```
$( "#greatphoto" ).attr( "title", “Hinh anh lop hoc" );
$( "#greatphoto" ).attr({
alt: “Lap trinh .NET Developer",
title: “Hinh anh lop hoc by Stanford"
});
```

jQuery

jQuery Methods

- **.prop():** Sử dụng để lấy hoặc thiết lập giá trị cho thuộc tính của các phần tử HTML.
- **Cú pháp sử dụng**:
  - Thiết lập giá trị: **.prop(propertyName)**
  - Thiết lập giá trị: **.prop(propertyName, value)**

jQuery

jQuery Methods

- **.prop():**

Ví dụ:

```
<body>
<input id="check1" type="checkbox" checked="checked">
<label for="check1">Check me</label>
<p></p>
</body>
```

jQuery

jQuery Methods

- **.prop():**

Ví dụ:

```
<script>$("input").change(function() {
var $input = $(this);
$("p").html(".attr('checked'): <b>" + $input.attr('checked') + "</b><br>"
+ ".prop('checked'): <b>" + $input.prop('checked') + "</b><br>"
+ ".is(':checked'): <b>" + $input.is(':checked') ) + "</b>";
}).change(); </script>
```

jQuery

jQuery CSS

- Sử dụng để làm việc với các thuộc tính của CSS bằng jQuery.
- Cú pháp sử dụng:

selector.css(PropertyName, PropertyValue);

selector.css({key1:val1, key2:val2....keyN:valN})

Example

```
$("p").css("background-color","yellow");
```

jQuery

jQuery CSS

- **.css()**:
  - Sử dụng để lấy giá trị của thuộc tính css, trả về dạng mảng một bao gồm một hoặc nhiều thuộc tính CSS.
  - Thiết lập một hoặc nhiều thuộc tính CSS cho phần tử HTML.

jQuery

jQuery CSS

- **.css()**:

Ví dụ:

```
<span id="result"> </span>
<div style="background-color:blue;"></div>
<div style="background-color:#f11;"></div>

<script>  $( "div" ).click(function() {
var color = $( this ).css( "background-color" );

$( "#result" ).html( "That div is <span style='color:" +

color + ";'>" + color + "</span>." );  });</script>
```

jQuery

jQuery CSS

- **.css()**:

Ví dụ:

```
$("p").addClass( ".stdTitle");
$("p").on( "mouseover", function() {
$( this ).css( "color", "red" );
});

$("#box").one( "click", function() {
$( this ).css( "width", "+=200" );
});
```

jQuery

jQuery CSS

- **.addClass()**: Sử dụng để add một lớp css cho phần tử HTML bằng cú pháp của Jquery.
- **.removeClass()**: Sử dụng để remove một lớp css trong phần tử HTML.

Ví dụ:

```
$( "p" ).addClass( ".stdTitle");
$( "p" ).removeClass( ".stdTitle");
```

jQuery

jQuery CSS

- **.hasClass()**: Kiểm tra lớp CSS có trong phần tử HTML được so khớp hay không bằng jQuery.

Ví dụ:

```
<div id="mydiv" class="foo bar"></div>

$('#mydiv').hasClass('foo') => return true

$('#mydiv').hasClass('bar') => return true

$('#mydiv').hasClass('quux') => return false
```

jQuery

jQuery CSS

- **.hover()**: Thực hiện khi di chuyển chuột vào phần tử HTML thao tác.

Ví dụ:

```
<script>$("li").hover(
function () {
$(this).append($("<span> ***</span>"));
}, function () {
$(this).find("span:last").remove();
});
```

```
//li with fade class
$("li.fade").hover(function(){$(this).fadeOut(100);$(this).fadeIn(500);});
</script>
```

@stanford.com.vn
Stanford
nâng tầm tri thức

Working with jQuery Effects

Autumn Leaves
jQuery Image Hover Effects

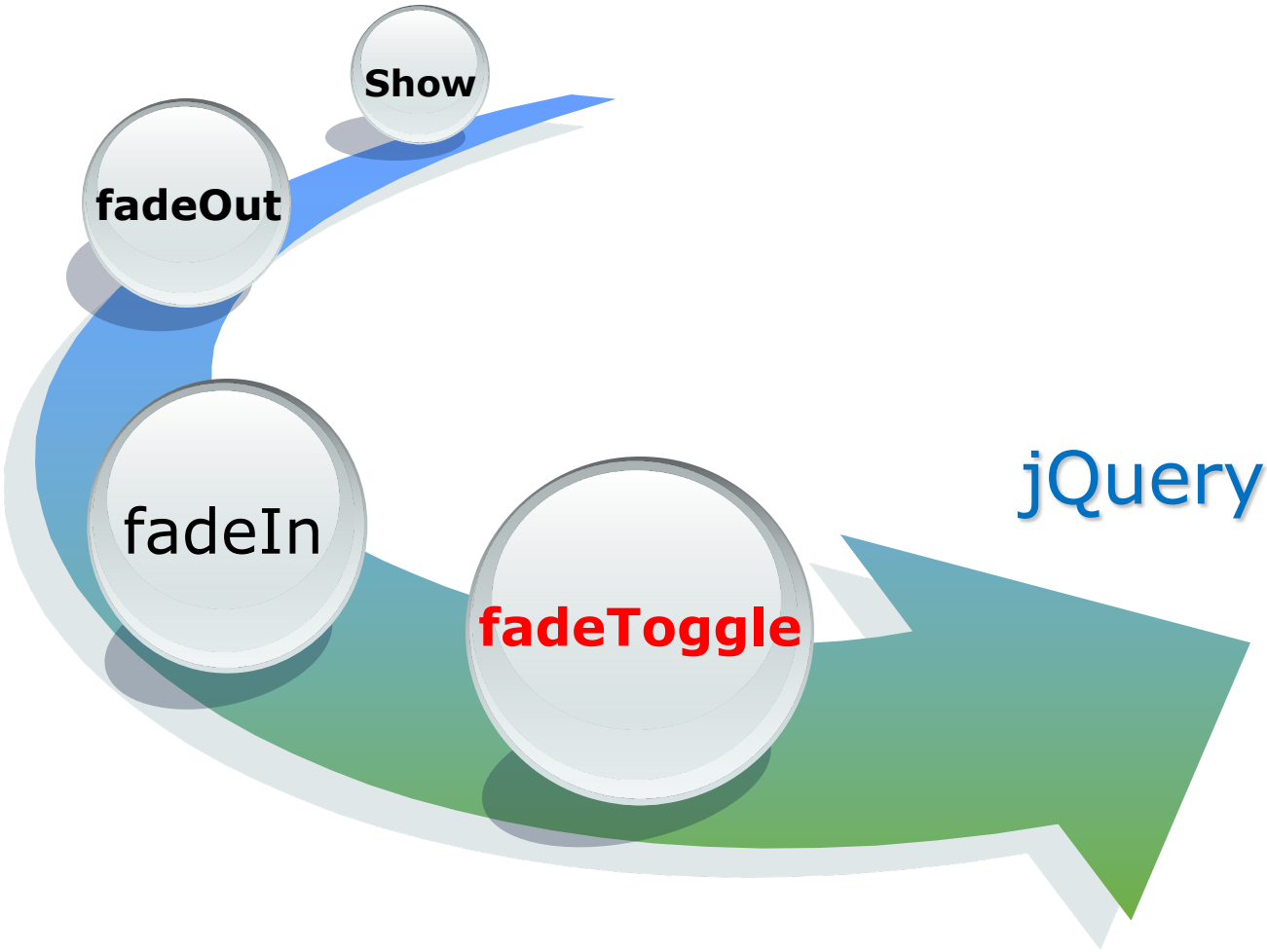

jQuery Effects

jQuery

jQuery Show/Hide

- **show()**: Thiết lập hiển thị các phần tử được chọn nếu đang bị ẩn bằng cú pháp jQuery.
- **hide()**: Ẩn các phần tử được chọn nếu đang hiển thị bằng cú pháp jQuery.

Example

```
$("#hide").click(function(){
  $("p").hide();
});

$("#show").click(function(){
  $("p").show();
});
```

@stanford.c

jQuery

jQuery Fade

- **fadeIn()**: Phương thức sử dụng để làm hiệu ứng trình bày các phần tử.

Example

```
$("button").click(function(){
  $("#div1").fadeIn();
  $("#div2").fadeIn("slow");
  $("#div3").fadeIn(3000);
});
```

jQuery

jQuery Fade

- **fadeOut()**: Sử dụng để làm hiệu ứng ẩn các phần tử bằng cú pháp jQuery.

Example

```
$("button").click(function(){
  $("#div1").fadeOut();
  $("#div2").fadeOut("slow");
  $("#div3").fadeOut(3000);
});
```

Working with jQuery UI

jQuery

jQuery

jQuery Plugins UI Blog About Donate
jQuery user interface
Download
Demos & Documentation
Themes
Development
Support
jQuery UI provides abstractions for low-level interaction and animation, advanced effects and high-level, themeable widgets, built on top of the jQuery JavaScript Library, that you can use to build highly interactive web applications.
Download jQuery UI
Build custom download
Rich effects and UI widgets
Powerful theme framework
Flexible & easy to learn
Recent activity
Developer links
Books about jQuery UI
filament group
appendTo
BrowserStack

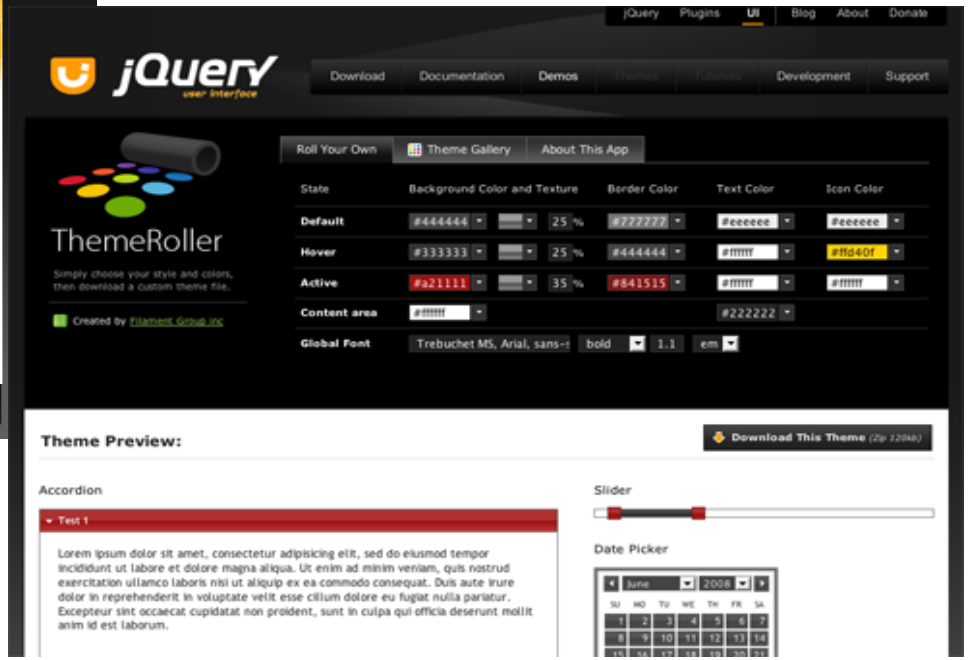
jQuery Plugins UI Blog About Donate
jQuery user interface
Download
Documentation
Demos
Development
Support
ThemeRoller
Roll Your Own
Theme Gallery
About This App
State
Background Color and Texture
Border Color
Text Color
Icon Color
Default
Hover
Active
Content area
Global Font
Theme Preview:
Download This Theme
Accordion
Slider
Date Picker

jQuery

jQuery UI

- Cung cấp giao diện cho người dùng
- **jQuery UI** là tập hợp các **plugins** với nhiều giao diện hỗ trợ người dùng (**widgets**)

Exercises

Stanford
nâng tầm tri thức

Thank You !

www.stanford.com.vn